TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 114/2020/QĐST - HNGĐ	*N, ngày 29 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 162/2020/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn D – Sinh năm: 1987.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Lục Thị N – Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 144, 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, 19, 26 và Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản nghi nhận sự tự nguyện và hoà giải thành ngày 21/9/2020 là tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Văn D và chị Lục Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Anh Lê Văn D và chị Lục Thị N đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Anh, chị kết hôn với nhau năm 2013, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13/6/2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Trong quá trình chung sống giữa anh D và chị N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã, xúc phạm nhau. Dù đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vẫn không thay đổi, đến nay anh – chị đã sống ly thân nhau được khoảng 4 năm không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Nay xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cả anh D và chị N đều thống nhất thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh Lê Văn D và chị Lục Thị N đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Trong quá trình chung sống, vợ chồng không ai có con riêng và có với nhau 02 con chung. Cháu đầu tên là: Lê Khánh D1 - Giới tính: Nam - Sinh ngày: 15/4/2010; Cháu thứ hai tên là: Lê Khánh N - Giới tính: Nam - Sinh ngày: 13/02/2012. Các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Anh Lê Văn D và chị Lục Thị N, cũng như các cháu Lê Khánh D1 và Lê Khánh N đều có ý kiến chung, thống nhất là: Giao cháu Lê Khánh D1 - Sinh ngày: 15/4/2010 cho chị Lục Thị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao cháu: Lê Khánh N - Sinh ngày: 13/02/2012 cho anh Lê Văn D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lê Văn D và chị Lục Thị N chưa bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này.

Anh Lê Văn D và chị Lục Thị N đều có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản anh chị thực hiện quyền này và cả anh D, chị N đều có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định.

- *Về tài sản và N vụ chung:* Anh Lê Văn D và chị Lục Thị N đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- *Về án phí:* Anh Lê Văn D và chị Lục Thị N đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Anh Lê Văn D phải chịu 150.000 đồng tiền án phí DS- HNGĐ sơ thẩm nhưng hiện tại anh đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003593 ngày 07 tháng 9 năm 2020 nên anh được nhận lại 150.000 đồng tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Chị Lục Thị N không phải chịu án phí DS-HNGĐ sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chị cục THA DS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Ngô Công Tuấn